

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20-01-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Minh Th

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn L

Bà Hoàng Thị C

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị T - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Đình Đ, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 985/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị C; nơi cư trú: Tổ Đầu Phụng 1, phường V, quận Kiến An, thành phố H; vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn Th; nơi cư trú: Tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố H; vắng mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh HD vào ngày 30 tháng 8 năm 2002. Sau khi kết hôn, chị và anh Th về sống chung tại Tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố H. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai bên không hợp, vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả mà ngày càng

căng thẳng hơn. Đến nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh Lưu Văn Th không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng và trầm trọng, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Lưu Văn Th có 02 con chung là Lưu Việt H, sinh ngày 18/8/2003 và Lưu Thị Phương M, sinh ngày 22/4/2011. Cả 02 con chung hiện đang sống chung cùng với chị, do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân quận K giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ của vợ chồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Trịnh Thị Ch được ly hôn với anh Lưu Văn Th. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Lưu Việt H và Lưu Thị Phương M cho chị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung do chị Ch không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, buộc chị Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Anh Lưu Văn Th là bị đơn, hiện cư trú tại Tổ dân phố Đ 1, phường V, quận K, thành phố H, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố H theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lưu Văn Th không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lưu Văn Th. Chị Trịnh Thị Ch đã được Tòa án triệu tập lần 2 nhưng chị Ch vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị Ch.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ch và anh Lưu Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cộng H, huyện K, tỉnh H vào ngày 30 tháng 8 năm 2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của chị Trịnh Thị Ch và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Trịnh Thị Ch và anh Lưu Văn Th trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm với nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trịnh Thị Ch và anh Lưu Văn Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Ch là phù hợp pháp luật và thực tế vụ kiện, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trịnh Thị Ch và anh Lưu Văn Th có 02 con chung là Lưu Việt H, sinh ngày 18/8/2003 và Lưu Thị Phương M, sinh ngày 22/4/2011. Tài liệu xác minh và lời khai của chị Trịnh Thị Ch thể hiện: Cả hai con chung hiện đang sống chung cùng với chị Ch. Chị Ch hiện là công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ (tám triệu đồng) có đủ điều kiện và khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Để đảm bảo cho cháu Lưu Việt H và Lưu Thị Phương M có điều kiện chăm sóc và phát triển một cách tốt nhất, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 con chung cho chị Trịnh Thị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi như nguyện vọng của các cháu là phù hợp pháp luật. Đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị Ch phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị Ch ly hôn anh Lưu Văn Th.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lưu Việt H, sinh ngày 18/8/2003 và Lưu Thị Phương M, sinh ngày 22/4/2011 cho chị Trịnh Thị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy

định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Chúc không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trịnh Thị Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Ch phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003589 ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H, chị Trịnh Thị Ch đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Ch và anh Lưu Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND xã Cộng H, huyện K, tỉnh H (ĐKHK: 30/8/2002);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Th**